

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02-01-2020
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Hận

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Đoàn Quốc Thống

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Như Ý, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 329/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1965 (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Văn Công H, sinh năm 1964 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại biên bản hòa giải ngày 17 tháng 12 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:* Năm 1989 bà và ông Văn Công H tự nguyện chung sống với nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống chung nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Văn Công H thường xuyên đi chơi, ít có ở nhà, nên vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Văn Công H không có khả năng hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Văn Công H. Về con chung bà và ông H có 04 người con chung tên Văn Công Đình, sinh năm 1989, Văn Anh Thư, sinh năm 1992, Văn Công Hiệu, sinh năm 1996 và Văn Công T, sinh ngày 20/9/2003. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi người con tên Văn Công T và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Đối với người

con chung tên Đình, Thư, Hiệu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản hòa giải ngày 17 tháng 12 năm 2019 và tại phiên tòa bị đơn ông Văn Công H trình bày:* Ông thống nhất về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, vợ chồng không có 04 người con chung, không có tài sản chung và nợ chung đúng như bà Q trình bày. Nay bà Q yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn, vì ông còn thương vợ con, ông yêu cầu Tòa án hàn gắn tình cảm vợ chồng, để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau. Về con chung, ông đồng ý giao người con chung tên Văn Công T cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với người con chung tên Đình, Thư, Hiệu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Bà Q khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông H là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Về hôn nhân: Bà Q với ông H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Q với ông H không được pháp luật bảo vệ. Xét thấy hôn nhân giữa bà Q với ông H có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời hôn nhân vi phạm về mặt hình thức nên bà Q và ông H không được công nhận quan hệ là vợ chồng.

Về con chung: Bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi người con chung tên Văn Công T. Xét thấy, ông H đồng ý giao người con chung tên Văn Công T cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng và người con chung tên Văn Công T có nguyện vọng được sống chung với bà Q. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Q về việc được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Văn Công T. Đối với người con chung tên Văn Công Đình, sinh năm 1989, Văn Anh Thư, sinh năm 1992, Văn Công Hiệu, sinh năm 1996 đã trưởng thành, có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Q không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q với ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và đình sơ thẩm bà Q phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 53, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

** Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Q với ông Văn Công H.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Văn Công T, sinh ngày 20/9/2003 cho bà Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng, ngày 26 tháng 11 năm 2019 bà Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004685 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Hận